TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH K G**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2019 /DS-PT
Ngày 7- 5 - 2019
V/v tranh chấp yêu cầu đòi lại tài sản và bồi thường thiệt hại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Huyến.

Các Thẩm phán: Ông Lê Lâm Sơn

Bà Ngô Thị Minh Trang

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh K G.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2019/TLPT-DS ngày 11 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp đòi lại tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 161/2018/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện K L, tỉnh K G bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 69/2019/QĐ-PT ngày 29 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1959; địa chỉ: Số 176 ấp Nhơn Thành, xã Nhơn Nghĩa, huyện P Đ, Thành phố C T. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn Đ; ông Phạm Hữu Phan - luật sự, cộng tác viên trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

- *Bị đơn*: Ông Đặng V Nh, sinh năm 1960; địa chỉ: số 22 quốc lộ 80, ấp 8 thước, thị trấn K L, huyện K L, tỉnh K G. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Quý T, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn Bia Bre, xã Ia Pết, huyện Đăk Đoa, tỉnh Gia Lai. (vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Hòa, sinh năm 1973; địa chỉ: số 22 quốc lộ 80, ấp 8 Thước, thị trấn K L, huyện K L, tỉnh K G. (có mặt)

- Người làm chứng:
1.Ông Đỗ Hoàng X, sinh năm 1960. (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp Rạch Đùng, xã Bình Trị, huyện K L, tỉnh K G
2. Ông Bùi TH N, sinh năm 1964. (vắng mặt)
Địa chỉ: Khu phố X Ng, thị trấn K L, huyện K L
3. Ông Nguyễn Sỹ S, sinh năm 1972. (vắng mặt)
Địa chỉ: Khu phố X Ng, thị trấn K L, huyện K L
4. Ông Nguyễn Thế L, sinh năm 1975. (vắng mặt)
Địa chỉ: khu phố Hòa Lập, thị trấn K L, huyện K L, tỉnh K G
- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn Đ - là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Ngày 02/4/2009 ông có mua một chiếc xe ủi hiệu Komatsu D30 của ông Văn Út ở Châu Đốc, tỉnh An Giang, mua chỉ làm giấy tay với giá 70.000.000 đồng, ông sửa chữa thêm 50.000.000 đồng. Tổng giá trị chiếc xe là 120.000.000 đồng. Đến tháng 5/2010 ông cho ông Lê Quý T thuê (không nhớ ngày, lúc cho thuê chỉ nói miệng, không lập thành văn bản), thời hạn thuê là 6 tháng, giá thuê 12.000.000 đồng/tháng để ông T san lấp mặt bằng đất của khu tập đoàn Tân Tạo huyện K L. Quá 6 tháng (tức đến tháng 12/2010) ông T không trả tiền thuê, ông T có trả lại ông chiếc xe, nhưng để chiếc xe ngoài biển (khu san lấp). Đến tháng 5/2011 ông mượn được 1.500.000 đồng để kéo xe về sửa chữa tại tiệm ông Bùi Thanh Phong thuộc khu phố X Ng, thị trấn K L, huyện K L, nhưng do chỗ ông Phong không được rộng rãi nên ông kéo xe sang Văn phòng của ông T để nhờ. Khi tháo xe để sửa ông Phong và ông Đỗ Văn X phụ giúp tháo tiếp. Lúc này ông thấy ông Đặng V Nh nhiều lần đến đòi tiền ông T, ông hoàn toàn không biết chiếc xe của ông đã bị ông T thế chấp cho ông Nhân để vay tiền.

Đến ngày 04/10/2011ông Đặng V Nh đến cẩu chiếc xe ủi trên về nhà và được Công an thị trấn K L lập biên bản giao cho ông Nhân tạm thời quản lý chiếc xe ủi trên để chờ xử lý tiếp theo (lúc này ông T đã bỏ trốn). Nhưng hiện nay ông Nhân đã bán chiếc xe trên cho người khác. Vì vậy, ngày 13/01/2015 ông có làm đơn khởi kiện ông Nhân để đòi lại chiếc xe nói trên và yêu cầu ông Nhân bồi thường mỗi tháng là 6 triệu đồng kể từ ngày ông Nhân lấy chiếc xe là ngày 04/10/2011 đến ngày khởi kiện là ngày 13/01/2015 là 38 tháng x 6.000.000 đồng = 280.000.000 đồng. Chiếc xe này là của ông không liên quan gì đến ông Lê Quý T và hiện tại ông cũng không biết rõ ông T ở đâu. Theo ông việc tranh chấp chiếc xe này phải được xử lý trong bản án hình sự số 33/2013/HSST ngày 04/9/2013 vì theo

biên bản hỏi cung bị can Lê Quý T ngày 09/01/2013, ông T đồng ý trả lại chiếc xe ủi trên cho ông và đồng ý khắc phục trả lại tiền vay cho ông Nhân, nhưng không được Tòa án nhân dân huyện K L xem xét giải quyết trong bản án trên là vi phạm tố tụng vì không ghi nhận ý kiến của ông T.

Bị đơn ông Đặng V Nh trình bày:

Vào ngày 20/8/2010 ông Lê Quý T được ông Nguyễn Thế L giới thiệu để ông T mượn ông số tiền 50.000.000 đồng. Sau đó ông và ông T có làm giấy mượn tiền đồng thời ông T có thế chấp cho ông chiếc xe ủi Komatsu D30 và hứa 1 tháng sau sẽ trả, nếu ông T không trả thì chiếc xe ủi thuộc sở hữu của ông. Khi ông và ông T bàn bạc thế chấp chiếc xe có mặt ông Nguyễn Thế L và ông Nguyễn Văn Đ chứng kiến, ông Đ không có ý kiến gì. Hết thời gian 01 tháng ông T không trả tiền và xin khất lần để kiếm tiền trả cho ông, đồng thời ông T bỏ xe ngoài công trình san lấp, nhưng ông không dám lấy xe vì sợ ông T nói ông trộm cắp. Sau đó ông kêu ông T đem xe về văn phòng của ông Quý T, sau đó ông T đem xe về văn phòng thì ông T bỏ trốn và không trả tiền cho ông, ông có báo chính quyền địa phương để cẩu chiếc xe ủi mà ông T đã thế chấp theo giấy cam kết mượn tiền ngày 20/8/2010 thì ông Đ ngăn cản, do vậy ông có mời Công an thị trấn K L lập biên bản và tạm giao cho ông quản lý chiếc xe ủi vào ngày 31/10/2011, ông cam kết nếu có hư hao mất mát thì ông hoàn toàn chịu trách nhiệm. Thời gian sau Công an bắt được ông Lê Quí T khởi tố xử lý hình sự về phần chiếc xe Ben mà ông T đã thế chấp cho ông và được Tòa án nhân dân huyện K L đã xét xử vụ án hình sự theo Bản án số 33/2013/HSST ngày 04/9/2013 về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tuyên phạt Lê Quí T một năm tù. Còn phần chiếc xe ủi thì phía cơ quan Công an, Viện kiểm sát, Tòa án tách ra và không xem xét vì đây là tranh chấp dân sự.

Do thời gian quá lâu vì ông T chấp hành án và chấp hành án xong xe trên không ai quan tâm tranh chấp, nên vợ ông là bà Hòa đã bán chiếc xe trên vào ngày 12/10/2014 theo dạng sắt vụ với giá 26.000.000 đồng cho một người đi mua xe, người này ông không biết rõ họ tên địa chỉ, việc vợ ông bán chiếc xe này ông hoàn toàn không biết vì ông không có sở nhà.

Sau khi ông Đ biết sự việc chiếc xe trên đã bị bán cho người khác, ông T đã chấp hành hình phạt tù xong không còn ở địa phương nên ông Đ mới khởi kiện ông yêu cầu ông trả lại xe và bồi thường số tiền 280.000.000 đồng. Việc khởi kiện của ông Đ ông không đồng ý, bởi vì ông T đã thế chấp xe này cho ông và hết thời gian thế chấp ông T không trả tiền ông có quyền lấy xe theo thỏa thuận.

Tại Biên bản lấy lấy khai ngày 12/3/2018 ông Lê Quý T trình bày: Vào

ngày 20/8/2010 ông có mượn của ông Đặng V Nh số tiền 50.000.000 đồng và ông có thế chấp cho ông Nhân một chiếc xe ủi hiệu Komatsu D30. Xe ông thế chấp cho ông Nhân là xe ông mua của ông Nguyễn Văn Đ với giá 120.000.000 đồng vào ngày 05/7/2010 nhưng ông chỉ đưa ông Đ hai lần tiền tổng cộng 20.000.000 đồng. Việc thế chấp xe trên cho ông Nhân ông Đ cũng đồng ý để lấy tiền thế chấp làm công trình chung với nhau. Nay ông Đ khởi kiện ông Nhân thì ông không có ý kiến gì. Còn số nợ 50.000.000 đồng ông vẫn chưa trả cho ông Nhân, số nợ này ông sẽ trả cho ông Nhân vào năm 2018.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hòa bày: Bà là vợ của ông Nhân, do ông T mượn tiền của chồng bà 50.000.000 đồng và có thế chấp chiếc xe ủi, trong thời hạn một tháng, do hết hạn mượn tiền mà ông T không trả tiền nên bà đã lấy chiếc xe ủi của ông T thế chấp bán với giá 26.000.000 đồng cho người mua sắt vụn vào ngày 12/10/2014.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 161/2018/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện K L, tỉnh K G đã quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

Ngày 10 tháng 12 năm 2018, ông Nguyễn Văn Đ kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết các vấn đề sau:

- Ông Đặng V Nh phải có trách nhiệm trả lại chiếc xe ủi D30 hiệu Komatsu cho ông.

- Ông là thương binh ¾, bệnh binh 2/3 nguồn thu nhập chính của gia đình ông dựa vào số tiền kiếm được từ chiếc xe ủi mang lại. Ngoài việc trả lại chiếc xe ủi D30 hiệu Komatsu, ông Nhân còn phải bồi thường thiệt hại về khoản thất thu tính từ thời điểm mà ông Nhân đã chiếm hữu cho đến nay mỗi tháng 6.000.000đ.

Tại phiên tòa ông Đặng V Nh đồng ý với bản án sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyê đơn cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm về tố tụng dân sự, cụ thể là vi phạm về định giá tài sản, Tòa án không tiến hành định giá tài sản tranh chấp, không giải thích cho nguyên đơn về việc thuộc trợ giúp pháp lý miễn phí, lời khai ông T có nhiều mâu thuẫn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án xét thấy nguyên đơn kháng cáo không có căn cứ chấp nhận. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác yêu cầu kháng cáo ông Nguyễn Văn Đ, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện K L, tỉnh K G.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, của nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Quí T được tòa án tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung: Xét thấy, ông Nguyễn Văn Đ là chủ sở hữu chiếc xe ủi hiệu Kumatsu D30 đã qua sử dụng, xe này có nguồn gốc là ông mua của ông Văn Út vào năm 2009. Ông Út xác nhận cho ông Đ (bút lục số 10), xe này ông Út cũng mua lại từ xe củ đã qua sử dụng của người khác nên không có giấy chứng nhận xe. Quá trình sử dụng đến năm 2010 không ai tranh chấp quyền sỡ hữu xe này với ông Đ. Như vậy có căn cứ xác định xe ủi hiệu Kumatsu D30 thuộc quyền hỡ hữu của ông Đ.

Tại biên bản đối chất ngày 19/3/2013 của Công an huyện K L (BL114), ông Đ và ông T thừa nhận vào tháng 5/2010, giữa ông Đ và ông Lê Quí T có thỏa thuận là ông Đ bán xe ủi hiệu Kumatsu D30 cho ông T với giá 140.000.000đ, ông Đ đã giao xe cho ông T sử dụng. Nội dung việc mua bán còn được ông T thừa nhận tại biên bản hỏi cung và biên bản lấy lời khai (BL 106,107, 181), ông Đ thừa nhận trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và phúc Thẩm. Như vậy kể từ tháng 5/2010 chiếc xe ủi hiệu Kumatsu D30 thuộc quyền sở hữu của ông T, không còn quyền sở hữu của ông Đ.

Vào ngày 20/8/2010, ông T thế chấp xe ủi trên cho ông Đặng V Nh để vay 50.000.000đ, nội dung thế chấp nếu sau 01 tháng ông T không trả tiền vay thì chiếc xe trên thuộc quyền sỡ hữu của ông Nhân. Tại thời điểm thỏa thuận thế chấp thì xe ủi vẫn để cho ông T sử dụng làm công trình. Khi ông T thế chấp xe ủi cho ông Nhân có mặt của ông Đ, ông L chứng kiến. Sự việc này được ông L và ông T xác nhận (tại BL 76) phù hợp với thực tế khách quan của vụ án. Việc ông T thỏa thuận thế chấp xe ủi cho ông Nhân là hoàn toàn tự nguyện. Đôi với ông Nhân không có

đăng ký kinh doanh về cầm cố thế chấp tài sản theo quy định pháp luật nhưng ông nhận thế chấp tài sản và tự xử lý bán tài sản xe ủi của ông T khi sự việc tranh chấp tài sản giữa ông Đ và ông Nhân chưa được giải quyết dứt điểm là không đúng quy định. Nhưng ông Nhân bán xe ủi của ông Tchứ không phải của ông Đ và, ông T không có ý kiến và tranh chấp gì về việc vợ chồng ông Nhân bán xe ủi của ông trong vụ án này, nếu sau này ông T có tranh chấp chiếc xe ủi với ông Nhân thì sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.. Từ đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét kháng cáo của ông Đ là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với ông Đ cho rằng ông bán xe ủi nói trên cho ông T nhưng ông T không trả tiền nên đã chuyển sang cho ông T thuê nhưng ông không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh cho việc ông và ông T thỏa thuận từ việc bán chuyển sang cho thuê, còn đối với ông T thừa nhận có mua xe của ông Đ với giá 140.000.000đ nhưng vẫn chưa trả tiền chứ không thỏa thuận thuê như ông Đ trình bày. Do đó, trong trường hợp này, ông T chưa trả tiền mua xe ủi cho ông thì ông có quyền yêu cầu ông T trả tiền mua xe cho ông, khi nào có yêu cầu thì Tòa án có thẩm quyền sẽ thụ lý giải quyết thành vụ kiện khác.

Xét yêu cầu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn yêu cầu Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm với lý do cấp sơ thẩm không tiền hành định giá tài sản tranh chấp là chiếc xe ủi, không giải thích cho ông Đ biết về việc ông Đ thuộc trường hợp trợ giáp pháp lý miễn phí là không có cơ sở. Bởi, chiếc xe không còn thuộc quyền sở hữu của ông Đ mà là của ông T, hơn nữa xe ủi này vợ chồng ông Nhân đã bán cho người khác không biết địa chỉ nên cấp sơ thẩm không tiến hành định giá là phù hợp. Đối với ông Đ thuộc trường hợp trợ giúp pháp lý miễn phí và Tòa án cấp sơ thẩm đã có biên bản giải thích nhưng ông Đ đã từ chối quyền trợ giúp pháp lý và ông Đ thừa nhận tại phiên tòa sơ thẩm chủ tọa cũng hỏi ông có yêu cầu người bảo vệ trợ giúp pháp lý miễn phí cho ông nhưng ông cũng không yêu cầu. Hơn nữa, trong giai đoạn xét xử phúc thẩm ông Đ yêu cầu trợ giúp pháp lý với lý do có người đại diện và T tâm trợ giúp pháp lý đã cử luật sư tham gia trợ giúp pháp lý cho ông Đ đúng theo quy định. Do đó, không chấp nhận yêu cầu hủy án của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn.

Do vậy, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K G tham gia phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đ. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 161/2018/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh K G.

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm : Yêu cầu khởi kện của ông Đ không được chấp nhận nên phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Ông Đ thuộc diện người có công với cách mạng nên được miễn toàn bộ án phí

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Kháng cáo của ông Đ không được chấp nhận nên phải chịu 300.000đ. Tuy nhiên, ông Đ thuộc trường hợp miễn án phí nên xét miễn toàn bộ án phí phúc thẩm cho ông Đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 342, Điều 334, khoản 5 Điều 351, Điều 355 Bộ luật dân sự 2005; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

- Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ.

- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 161/2018/DS-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện K L, tỉnh K G.

- Phần tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ về việc yêu cầu ông Đặng V Nh trả lại cho ông chiếc xe ủi hiệu Kumatsu D30 và bồi thường thiệt hại bị mất thu nhập cho ông là 280.000.000đ (hai trăm tám mươi triệu đồng).

2. Về án phí:

Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn Đ.

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn Đ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 2.850.000đ (hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 06124 ngày 10/3/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K L, tỉnh K G

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (07/5/2019).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh K G;
- TAND huyện K L;
- THA dân sự huyện K L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thanh Huyến